TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DSST
Ngày 26/11/2019
V/v Tranh chấp về quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lò Văn Dinh.

- Các hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Huyền.

- Ông Vũ Văn Hữu.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Kim Phượng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, Tại trụ sở TAND huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST - DS ngày 20/3/2019 về việc: Tranh chấp về quyền sử dụng đất, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 11/11/2019. Giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh H P L - Sinh năm: 1987 và chị V T C - Sinh năm: 1986. Người đại diện theo ủy quyền cho chị V T C là anh H P L - Có mặt.

Địa chỉ: Bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

*** Bị Đơn**: - Ông: H S L - Sinh năm: 1957 và bà L T P - Sinh năm: 1963. Người đại diện theo ủy quyền của bà L T P là ông H S L- Có mặt.

Địa chỉ: Bản Bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp** cho H P L là ông Phùng Việt Hoa - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- UBND xã S L, người đại diện theo pháp luật là ông H P L - Chủ tịch UBND xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt có lý do.

- Ông H P D - Sinh năm: 1948; Bà H T H - Sinh năm: 1948. Người đại diện theo ủy quyền của ông H P D và bà H T H là anh H P L - Cùng địa chỉ: Bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

*** Những người làm chứng:**

Các ông: H A C - Sinh năm: 1956; C C P - Sinh năm: 1937; H D H - Sinh năm: 1961; H S K - Sinh năm: 1944; H T S - Sinh năm: 1980; H C P - Sinh năm: 1948; H C T - Sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- Ông C T H - Sinh năm: 1953.

Địa chỉ: Bản S L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- Ông T N C - Sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Bản C T, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Những người làm chứng đều vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm anh H P L và là người đại diện theo ủy cho chị V T C, ông H P D và bà H T H trình bày:

Gia đình anh có một thửa đất nương khoảng hơn 11.000 m^2 tại khu vực P Cáng bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, nguồn gốc của thửa đất nương là nương của bố, mẹ anh là ông H P D và bà H T H khai hoang canh tác từ năm 1968. Đến tháng 9/2000 xã tổ chức mở đường mới vào bản C L con đường đó đi cắt ngang mảnh đất nương, một phần mảnh đất ở bên dưới đường tà luy âm, một phần ở bên trên đường tà luy dương bố mẹ anh vẫn canh tác làm nương, làm bãi thả trâu sử dụng liên tục cho đến năm 2010 bố, mẹ anh giao cho anh thửa đất nương đó cả bên dưới đường tà luy âm và bên trên đường tà luy dương. Anh canh tác làm nương, làm bãi thả trâu liên tục cho đến nay, năm 2016 anh đã đi đào hào ở phía giáp đất nương của ông H C P. Từ ngày bố, mẹ anh canh tác làm nương, làm bãi thả trâu, sau đó bố, mẹ anh cho anh canh tác làm nương và làm bãi thả trâu trên thửa đất đó cho đến nay không xảy ra tranh chấp gì. Đến ngày 05/01/2019 vợ chồng ông H S L và bà L T P đến thửa đất của gia đình anh phát để làm nương, anh có nói cho ông L và bà P là không được phát đó là nương của gia đình anh, nhưng ông L, bà P không nghe mà cố tình phát và ông, bà cho rằng phần đất nương ở bên trên đường tà luy dương là nương của ông, bà sau đó giữa hai bên xảy ra tranh chấp và đã được UBND xã giải quyết nhưng ông L, bà P không nhất trí trả lại đất cho gia đình anh. Thửa đất có các cạnh tiếp giáp: Phía bắc giáp đường bê tông; Phía nam giáp đất lâm nghiệp (Rừng); Phía tây giáp đất nương của ông H C P; Phía đông giáp đất Lâm nghiệp (Rừng). Thửa đất đó anh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng anh chọn cơ quan Tòa án là cơ quan giải quyết việc tranh chấp đất giữa gia đình anh và gia đình ông L, bà P. Khi làm đơn yêu cầu khởi kiện anh chưa đo cụ thể diện tích đất đang tranh chấp là bao nhiêu m^2 do đó anh trình bày diện tích đất đang tranh chấp khoảng 11.000 m^2, sau khi Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đo diện tích đất đang tranh chấp anh mới biết tổng diện tích thửa đất đang tranh chấp 29.257,9 m^2, anh nhất trí với tổng diện tích mà Hội đồng xem xét thẩm định đã đo, anh đã làm đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H S L và bà L T P trả lại cho anh tổng diện tích đất là 29.257,9 m^2 (11.000 m^2 + 18.257,9 m^2 = 29.257,9 m^2).

* Bị đơn ông H S L và là người đại diện theo ủy quyền của bà L T P trình bày:

Thửa đất hiện hai bên đang tranh chấp tại khu vực P Cáng, từ trước đến nay ông chưa đo nhưng theo Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc có tổng diện tích 29.257,9 m^2 và ông nhất trí với tổng diện tích mà Hội đồng xét xét thẩm định tại chỗ đã đo. Nguồn gốc thửa đất trước năm 2008 là đất hoang không có ai canh tác cho đến tháng 5/2008 ông mới đi rào để làm bãi thả trâu, ông thả trâu ở đó cho đến năm 2010, trong thời gian ông thả trâu ở đó không có xảy ra tranh chấp gì, đến năm 2010 ông H P D và bà H T H là bố, mẹ của anh H P L cố tình đi phát để làm nương ở đó, lúc đó ông có nói cho ông Di là không được làm nương ở đó vì đó là bãi thả trâu của gia đình ông, sau đó ông Di nói ông đã được phát rồi cho ông làm nương một đến hai năm sau đó ông sẽ trả lại thửa đất, nên ông mới đồng ý cho ông Di làm nương ở đó. Thời gian mà gia đình ông L thả trâu ở thửa đất trên từ năm 2008 đến năm 2010. Đến đầu năm 2019 anh H P L con của ông Di đến phát để làm nương ông không cho phát lúc đó hai bên đã xảy ra tranh chấp và đã được UBND xã giải quyết nhưng hai bên không thỏa thuận được với nhau. Diện tích đất đang tranh chấp ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay anh L chọn cơ quan Tòa án là cơ quan để giải quyết tranh chấp đất giữa hai gia đình ông cũng nhất trí. Anh L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông trả cho anh L diện tích đất hai bên đang tranh chấp là ông không nhất trí vì đó là đất nương của ông canh tác làm bãi thả trâu trước.

Tại bản tự khai của người người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H P D và bà H T H trình bày:

Nguồn gốc diện tích đang tranh chấp từ trước năm 1968 là đất hoang chưa có ai canh tác cho đến năm 1968 vợ chồng ông khai hoang canh tác làm nương và làm bãi thả trâu, ông bà canh tác ở đó không xảy tranh chấp gì. Đến tháng 9/2000 xã tổ chức mở đường vào bản C L con đường đi cắt ngang mảnh đất nương của ông bà, một phần nhỏ mảnh đất ở bên dưới đường tà luy âm, một phần ở bên trên đường tà luy dương ông bà vẫn canh tác làm nương và bãi thả trâu. Đến cuối năm 2010 ông bà tuổi cao không còn đi làm nương được nên vợ chồng ông bà giao cho con trai anh H P L toàn bộ thửa đất nương đó cả bên dưới đường tà luy âm và bên trên đường tà luy dương để làm ăn sinh sống. Diện tích đất đó ông bà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện thửa đất ông bà đã cho con anh H P L, do đó diện tích đất đó thuộc quyền quản lý, sở hữu, sử dụng của anh L, ông bà không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai của người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã S L là ông H P L trình bày:

Diện tích đất đang tranh chấp giữa hai bên đương sự tại khu vực P Cáng nằm trong địa phận đất của UBND xã S L, nhưng xã chưa có chương trình kế hoạch gì đối diện tích đất hai bên đương sự đang tranh chấp. Diện tích đất này nhân dân trong xã đang canh tác làm nương, làm bãi thả trâu từ trước đến nay. Vậy UBND xã sẽ để cho nhân dân trong xã tiếp tục sử dụng làm nương, làm bãi thả trâu để phát triển kinh tế gia đình. UBND xã không có yêu cầu gì đối với diện tích đất mà hai bên đang tranh.

Năm 2000 Đảng ủy, HĐND, UBND xã họp bàn để mở đường vào bản C L đồng thời thông báo cho toàn thể nhân dân trong xã biết và được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân trong xã cho đến tháng 9/2000 con đường đi vào bản C L bắt đầu được mở. Việc mở đường vào bản C L không có chương trình dự án nhà nước hỗ trợ và không có kinh phí hỗ trợ của UBND huyện nên không có đền bù gì, con đường mở đi vào đất nương của nhiều hộ dân trong xã nhưng không rõ là nương của hộ gia đình nào.

Tại biên bản lấy lời khai của những người làm chứng trình bày như sau:

Các ông C T H (bí thư xã cũ) T N C (chủ tịch xã cũ) khai việc mở đường vào bản C L, xã S L là do UBND xã tự vận dộng nhân dân tham gia đóng góp ngày công bằng lao động công ích của nhân dân các bản trong xã tham gia đào mở nền đường đất, còn phần đá UBND huyện thuê đơn vị có đủ điều kiện phá đá nổ mìn. Sau khi nổ mìn nhân dân lại tiếp tục nhặt đá để mở đường. Việc mở đường không có chương trình dự án nào tài trợ và cũng không có kinh phí hỗ trợ của UBND huyện. Việc mở đường không vẽ sơ đồ hay ra một nghị quyết nào, không có hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng, con đường mở mới vào phần đất nương của nhiều hộ dân trong xã nhưng không rõ cụ thể là nương của những hộ dân nào.

Những người làm chứng ông H D H (trưởng bản cũ), H T S (trưởng bản mới), các ông H A C, C C P, H S K, H C T là những những hộ dân sinh sống lâu năm ở bản C L; Ông H C P có đất liền kề với mảnh đất đang tranh chấp đều khai: Bản C L có từ xa xưa, từ ngày sinh ra các ông đã ở bản C L, năm 2000 mở đường vào bản C L con đường mới mở có đoạn đi theo đường mòn cũ, có đoạn mở mới hoàn toàn. Trước khi mở đường trưởng bản có tổ chức họp bản, trường hợp con đường mở mới đi vào nương của hộ gia đình nào thì hộ gia đình đó không được cản trở và không được yêu cầu đền bù, được sự thống nhất cả bản nên tháng 9/2000 con đường được mở, con đường mở vào rất nhiều đất nương của các hộ gia đình trong bản trong đó vào cả phần đất nương của ông H P D tại khu vực hiện hai bên đang tranh chấp. Diện tích đất nương đang tranh chấp từ trước đến nay các ông chỉ nhìn thấy bố của anh L là ông H P D canh tác tại đó còn từ thời gian nào thì các ông không nhớ vì ông Di đã canh tác tại diện tích đất đó quá lâu, cho đến năm cuối năm 2010 thì thấy anh L con trai của Di canh tác cho đến nay, từ trước đến nay diện tích đất đó không có xảy ra tranh chấp gì và không nhìn thấy vợ chồng ông H S L canh tác tại diện tích đất đang tranh chấp lần nào, đến đầu năm 2019 thì thấy gia đình ông L đến tranh chấp.

Ngày 18/6/2019 Tòa án nhân dân huyện phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; Phòng tài nguyên môi trường; Hạt kiểm lâm huyện và UBND xã S L cùng với trưởng bản C L và hai bên đương sự và người có đất liên kề tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh tại thực địa diện tích đất đang tranh chấp như sau: Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ sử dụng máy tính bảng đã được cài phần mềm FRMS Mobile dành riêng cho ngành Kiểm lâm xác định vị trí hiện trạng loại đất, loại rừng xác định được như sau:

Diện tích đất đang tranh chấp thuộc Lô 17, khoảnh 2, tiểu khu 488 là đất trống, dùng làm bãi chăn thả gia súc, đất chưa được quy hoạch có các cạnh tiếp giáp:

- Phía Bắc giáp đường bê tông có các cạnh dài 69,03 m + 33,24 m + 131,86 m + 33,52 m = 267,65 m.

- Phía Nam giáp đất lâm nghiệp (rừng) có các cạnh dài 40,82 m + 21,54 m + 56,29 m + 59,54 m + 64,78 m + 43,32 m + 45,79 m = 332,08 m.

- Phía Tây giáp đất nương của ông H C P có cạnh dài 55,44 m.

- Phía Đông giáp đất lâm nghiệp (rừng) có các cạnh dài 49,33 m + 20 m = 69,33 m.

Tổng diện tích mảnh đất đang tranh chấp 29.257,9 m^2.

Diện tích đất đang tranh chấp không tranh chấp với các hộ liền kề khác.

Tại công văn số 1140/UBND-KT&HT ngày 09/10/2019 của UBND huyện Mường Chà xác định như sau:

Tháng 9/2000 mở đường vào bản C L xã S L không có chương trình dự án nào tài trợ. Việc mở đường vào bản C L là do nhu cầu đi lại cấp thiết của nhân dân do đó UBND xã đã vận động và người dân tham gia làm đường. UBND huyện không hỗ trợ kinh phí hoặc nhân lực cho UBND xã để mở đường mà UBND xã tự vận động nhân dân tham gia đóng góp ngày công bằng hình thức lao động công ích của nhân dân các bản trong xã tham gia đào mở nền đường đất, còn phần đá UBND huyện giao phòng giao thông kiểm tra, lập dự toán để thuê đơn vị có đủ điều kiện phá đá nổ mìn thực hiện, chiều rộng nền đường 1,5 - 2 m và rãnh dọc rộng 0,6 m. Nhằm phục cho người và xe phương tiện xe thô sơ đi lại do đó không có phần hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng.

Tại công văn số 64/CV-TNMT ngày 14/8/2019 của phòng tài nguyên môi trường huyện Mường Chà xác định diện tích đất hại bên đang tranh chấp cụ thể như sau: Xác định loại đất: Đất trống, bãi chăn thả gia súc; chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào; chưa có ai kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất; chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có hồ sơ liên quan đến diện tích đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho H P L là ông Phùng Việt Hoa trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của bên nguyên đơn. Thửa đất đó bố mẹ đẻ của anh L đã khai hoang canh tác từ năm 1968 cho đến năm 2010 bố mẹ anh L cho anh L canh tác cho đến nay không xảy ra tranh chấp gì, hơn nữa từ trước đến khi xảy ra tranh chấp ông L chưa canh tác hoặc thả trâu ở thửa đất đó lần nào. Do đó đề nghị áp dụng Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật dân sự 2015, Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013, Nghị định 181 của chính phủ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H S L và bà L T P trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho anh H P L và chị V T C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Việc anh H P L khởi kiện yêu cầu ông H S L và bà L T P trả lại diện tích đất nương là 29.257,9 m^2 (theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án ngày 18/6/2019, có sơ đồ thửa đất kèm theo) tại khu P Cáng thuộc bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên là có căn cứ vì vậy, cần chấp nhận đơn

khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại diện tích đất nương đang tranh chấp theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu trú tại bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên và diện tích đất đang tranh chấp tại khu vực bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Diện tích đất đang tranh chấp chưa được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên nguyên đơn chọn Tòa án là Cơ quan giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất và bị đơn đồng ý. Áp dụng Điều 26, Điều 35 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013 để giải quyết. Như vậy yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà theo quy định.

Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định anh H P L và chị V T C là nguyên đơn. Ông H S L và bà L T P là bị đơn. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H P D và bà H T H, UBND xã S L người đại diện theo pháp luật là ông H P L. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều đã có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Diện tích đất đang tranh chấp giữa hai bên đương sự từ trước năm 1968 là đất hoang không có ai canh tác, năm 1968 ông H P D và bà H T H đi khai hoang canh tác làm nương và làm bãi chăn tha gia súc, ông Di và bà Hờ sử dụng ổn định, liên tục không xảy ra tranh chấp gì cho đến năm 2010 ông Di, bà Hờ giao lại toàn bộ diện tích đất nương cho con trai anh H P L, anh L canh tác sử dụng liên tục, ổn định từ năm 2010 không xảy ra tranh chấp gì. Đến năm ngày 05/01/2019 ông H S L và bà L T P đến tranh chấp với anh L. Anh L yêu cầu ông L trả lại toàn bộ diện tích đất đanh tranh chấp. Ông L cho rằng diện tích đất đang tranh chấp năm 2008 ông đi rào và làm bãi chăn thả gia súc, cho đến năm 2010 ông không thả gia súc tại diện tích đất đang tranh chấp đó và có ông H P D đến phát làm nương, ông không cho làm sau đó hai bên có thỏa thuận với nhau ông Di sẽ canh tác làm nương một đến hai năm sau đó sẽ trả lại diện tích đất đó cho ông nên ông không chấp nhận yêu cầu của anh H P L.

[3] Xét nguồn gốc đất đang tranh chấp: Đối với diện tích đất đang tranh chấp là đất khai hoang, hiện chưa được quy hoạch, là đất trống, chưa có ai đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đo thực tế diện tích đất đang tranh chấp là 29.257,9 m^2. Nguyên đơn và bị đơn đều nhất trí với tổng diện tích mà Hội đồng xem xét thẩm định đã tiến hành đo. Nguyên đơn đã có đơn khởi kiện bổ sung yêu

cầu Tòa án giải quyết buộc ông H S L trả lại diện tích đất là 29.257,9 m^2. Việc nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bổ sung là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Xét về thực tế sử dụng đất: Ông H P D và bà H T H sử dụng canh tác liên tục, ổn định lâu dài không xảy ra tranh chấp gì từ năm 1968, cho đến năm 2000 mở đường vào bản C L con đường mở mới đi ngang qua mảnh đất một phần ở bên dưới đường (tà luy âm) và một phần ở bên trên đường (tà luy dương) ông bà vẫn canh tác làm nương cho đến năm 2010 mới chuyển cho con trai anh H P L sử dụng, hiện ông, bà không có yêu cầu gì. Anh H P L sử dụng liên tục, ổn định không xảy ra tranh chấp gì. Việc ông H S L cho rằng diện tích đất đang tranh chấp năm 2008 ông sử dụng làm bãi thả trâu cho đến năm 2010 ông không thả trâu nữa thì có ông Di đến phát làm nương sau đó hai bên thỏa thuận với nhau ông Di chỉ làm nương một đến hai năm sau đó sẽ trả lại cho ông L diện tích đất trên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành đối chất giữa ông L và ông Di, ông Di không thừa nhận việc ông L sử dụng diện tích đất trên làm bãi thả trâu, cũng không thừa nhận là đã được thỏa thuận với ông L, ngoài ra ông L không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Ông Di thừa nhận trong thời gian canh tác năm nào không làm nương, ông làm bãi thả trâu thì có trâu của dân bản C L đến bãi thả trâu của ông ăn cỏ, còn trâu của ai ông không rõ, được một thời gian sau không thấy, còn ông vẫn thả trâu ở đó.

[5] Xét lời khai của người đại diện theo pháp luật; của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Quá trình sử dụng đất của nguyên đơn phù với công văn số 64/CV-TNMT ngày 14/8/2019 của phòng tài nguyên môi trường huyện Mường Chà và công văn số 1140/UBND-KT&HT ngày 09/10/2019 của UBND huyện Mường Chà.

[6] Xét ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7] Từ những căn cứ phân tích trên, HĐXX xét về lịch sử diện tích đất 29.257,9 m^2 hiện hai bên đang tranh chấp ở khu P Cáng thuộc bản C L, xã S L, huyện Mường Chà do vợ chồng ông H P D và bà H T H (bố mẹ đẻ của anh H P L) canh tác tác liên tục, sử dụng ổn định từ năm 1968 không xảy ra tranh chấp. Đến năm 2010 ông Di bà Hờ giao lại cho anh H P L diện tích đất trên và anh L canh tác, sử dụng ổn định, liên tục không xảy ra tranh chấp. Đó là đất trống, bãi chăn thả gia súc; chưa giao cho tổ chức, cá nhân nào; chưa có ai kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất; chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có hồ sơ liên quan đến diện tích đất. Đến ngày 05/01/2019 ông H S L và bà L T P mới lấn chiếm tranh chấp với anh L. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Diện tích đất đang tranh chấp được ông H P D và bà H T H sử dụng liên tục, ổn định

lâu dài, sau đó chuyển cho con trai tiếp tục sử dụng liên tục, ổn đinh lâu dài, như vậy anh H P L và chị V T C có đủ điều kiện kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Do đó cần áp dụng các Điều 192; 255; 256; 688 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 179; Điều 189 Bộ luật dân sự năm 2015. Các Điều 5; 12; 50; 71 Luật đất đai năm 2003. Khoản 24 Điều 3; các Điều 4; 5; 9; 101; 131; 165; 203 luật đất đai năm 2013. Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Điều 20; 21 Nghị định số: 43/2014 ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H P L và chị V T C. Buộc ông H S L và bà L T P trả lại diện tích đất 29.257,9 m^2 thuộc Lô 17, khoảnh 2, tiểu khu 488 tại khu vực P Cáng (Khó Chù Dế) bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên cho anh L và chị Cú. Mảnh đất có các canh tiếp giáp: (Sơ đồ đất kèm theo)

- Phía Bắc giáp đường bê tông có các cạnh dài 69,03 m + 33,24 m + 131,86 m + 33,52 m = 267,65 m.

- Phía Nam giáp đất lâm nghiệp (rừng) có các cạnh dài 40,82 m + 21,54 m + 56,29 m + 59,54 m + 64,78 m + 43,32 m + 45,79 m = 332,08 m.

- Phía Tây giáp đất nương của ông H C P có cạnh dài 55,44 m.

- Phía Đông giáp đất lâm nghiệp (rừng) có các cạnh dài 49,33 m + 20 m = 69,33 m.

Diện tích đất không tranh chấp với các hộ liền kề khác. Tạm giao diện tích đất trên cho anh H P L và chị V T C tiếp tục sử dụng. Nếu anh L, chị Cú có nhu cầu thì được quyền kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[8] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo yêu cầu của các bên đương sự, ngày 14/5/2019 Tòa án nhân dân huyện Mường Chà đã ra thông báo số: 09/TB-TA về việc yêu cầu các đương nộp tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ. Ngày 14/5/2019 nguyên đơn anh H P L đã nộp 2.000.000 đồng ông H S L đã nộp 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 4.000.000 đồng đã được chi trả 3.300.000 đồng cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ còn dư 700.000 đồng Tòa án đã trả lại cho nguyên đơn anh H P L. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận vậy bị đơn ông H S L và bà L T P phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.300.000 đồng theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh H P L sẽ tự nhận chịu số tiền 1.300.000 đồng mà anh đã nộp, vậy ông H S L và bà L T P còn phải chịu 2.000.000 đồng được khấu trừ số tiến 2.000.000 đồng ông L đã nộp ngày 14/5/2019. Nay ông H S L và bà L T P không phải nộp thêm tiền xem xét thẩm định tại chỗ. Việc nguyên đơn nhận chịu 1.300.000 đồng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H P L và chị V T C không phải chịu án phí DSST do yêu cầu được chấp nhận; ông H S L và bà L T P là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông L, bà P.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 192; 255; 256; 688 Bộ luật dân sự năm 2005. Các Điều 179; 189 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 5; 12; 50; 71 Luật đất đai năm 2003. Khoản 24 Điều 3; các Điều 4; 9; 101; 131; 165; 203 Luật đất đai năm 2013. Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Điều 20; 21 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh H P L và chị V T C.

Buộc ông H S L và bà L T P trả cho anh H P L và chị V T C tổng diện tích 29.257,9 m^2 đất thuộc Lô 17, khoảnh 2, tiểu khu 488 tại khu P Cáng (Khó Chù Dế) bản C L, xã S L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, mảnh đất có các canh tiếp giáp: *(Sơ đồ đất kèm theo).*

- Phía Bắc giáp đường bê tông có các cạnh dài 69,03 m + 33,24 m + 131,86 m + 33,52 m = 267,65 m.

- Phía Nam giáp đất lâm nghiệp (rừng) có các cạnh dài 40,82 m + 21,54 m + 56,29 m + 59,54 m + 64,78 m + 43,32 m + 45,79 m = 332,08 m.

- Phía Tây giáp đất nương của ông H C P có cạnh dài 55,44 m.

- Phía Đông giáp đất lâm nghiệp (rừng) có các cạnh dài 49,33 m + 20 m = 69,33 m.

Tạm giao diện tích đất trên cho anh H P L và chị V T C tiếp tục sử dụng. Nếu anh L và chị Cú có nhu cầu thì được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 1.300.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ của anh H P L. Ông H S L và bà L T P phải chịu 2.000.000 đồng được khấu trừ 2.000.000 đồng ông L đã nộp, ông L bà P không phải nộp thêm tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí**:** Miễn toàn bộ án phí DSST cho ông H S L và bà L T P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2019). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày những gì liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh ĐB;
- Chi cục THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh